

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21.01.2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;

2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 610/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: 50/24 đường Trần Khắc Chân, phường TĐ, Quận M, Thành phố H

Địa chỉ liên lạc: 518/8/4 đường Lê Văn Sỹ, Phường MM, quận PN, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 53 – 57 Mcburney Road Cabramatta NSW 2166, Australia.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13.12.2018 và tại bản tự khai ngày 03.01.2019, bà Trần T - nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn H tìm hiểu, tự nguyện chung sống sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 01/2009 ngày 31.7.2009.

Trong 02 năm đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng năm 2015 bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm không còn khiến cho cuộc sống chung ngọt ngào và mệt mỏi nên cả 02 lựa chọn sống riêng. Đầu năm 2016, ông H qua Úc sinh sống, làm việc và không về Việt Nam nữa.

Bà T cho rằng do vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết kịp thời, bên cạnh đó 02 người đang sống xa cách nên không thể đạt được mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 09.10.2009 và Nguyễn K, sinh ngày 12.6.2012; hiện 02 trẻ đang sống chung với mẹ nên bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21.12.2018 (đã hợp pháp hóa lãnh sự), ông Nguyễn H - bị đơn trình bày:

Ông và bà Trần T tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01.2009, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyển số 01/2009 ngày 31.7.2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ hạnh phúc được vài năm đầu sau đó thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 09.10.2009 và Nguyễn K, sinh ngày 12.6.2012. Ông H đồng ý giao cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, Ông không có ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần T và ông Nguyễn H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H, bị đơn có nơi cư trú tại Úc nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân

dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57, quyền số 01/2009 ngày 31.7.2009 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần T và ông Nguyễn H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà T và ông H thì sau khi sống chung hạnh phúc được vài năm thì vợ chồng đã lựa chọn sống riêng do không giải quyết được mâu thuẫn, sau đó ông H qua Úc sinh sống, làm việc và không về Việt Nam từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện những công việc của gia đình đồng thời phải sống chung với nhau nhưng trước khi ông H sang Úc thì vợ chồng đã lựa chọn sống riêng; bên cạnh đó, hiện tại bà T và ông H đang cư trú ở hai nước khác nhau nên vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên việc bà T yêu cầu được ly hôn và phía ông H cũng đồng ý, đây là yêu cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 09.10.2009 và Nguyễn K, sinh ngày 12.6.2012; hiện 02 trẻ đang sống chung với mẹ. Theo yêu cầu của bà T, ông H đồng ý giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về nợ chung và tài sản chung: Bà T và ông H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Nhật T phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Nhật T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần T được ly hôn với ông Nguyễn H.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung tên Nguyễn K, giới tính nam, sinh ngày 09.10.2009 và Nguyễn K, giới tính nam, sinh ngày 12.6.2012 cho bà Trần Nhật T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà T chưa có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bên không trực tiếp nuôi con nếu việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0045857 ngày 17.12.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Trần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPH;
- VKSND cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS TPH;
- UBND TPH;
- Sở Tư pháp TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HSVA.

Đặng Thị Bích Loan